

**HƯỚNG DẪN SINH VIÊN HỌC VIỆN CÁN BỘ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỰ HỌC PHÁT ÂM TIẾNG ANH  
HIỆU QUẢ QUA BỘ GIÁO TRÌNH ENGLISH FILE PHIÊN BẢN 3  
CỦA NHÀ XUẤT BẢN OXFORD**

*ThS. Nguyễn Thị Lộc Uyên\**

**1. Sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh và bối cảnh học tiếng Anh giao tiếp hiện nay**

Với đầu vào tiếng Anh ở trình độ A2 (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), sinh viên hệ đại học chính quy Học viện Cán bộ sẽ học 5 học phần tiếng Anh gồm 4 học phần tiếng Anh giao tiếp 1, 2, 3, 4 và 1 học phần tiếng Anh chuyên ngành. Mỗi học phần sinh viên học 45 tiết tại lớp với sự hướng dẫn của giảng viên và 90 tiết tự học. Chuẩn đầu ra mong đợi trình độ tiếng Anh của sinh viên khi tốt nghiệp đại học chính quy là B1 (bậc 3) sau khi học tập và rèn luyện 5 học phần trên.

Ngoài các tài liệu hỗ trợ về phát âm, từ vựng và ngữ pháp theo yêu cầu của đề cương chi tiết của học phần, tài liệu chính hiện đang sử dụng để dạy và học các học phần tiếng Anh giao tiếp là bộ giáo trình English File (third edition) cấp độ Elementary (từ bài số 6 đến số 12: đối với cấp độ tiếng Anh giao tiếp 1); Pre-Intermediate (từ bài số 1 đến số 6: đối với cấp độ tiếng Anh giao tiếp 2; từ bài số 7 đến số 12: đối với cấp độ tiếng Anh giao tiếp 3); Intermediate (từ bài số 1 đến số 5: đối với cấp độ tiếng Anh giao tiếp 4).

**2. Về mục đích và phương pháp học ngữ âm tiếng Anh đối với sinh viên không chuyên ngữ**

Hệ thống phát âm của một ngôn ngữ hầu như không thay đổi qua thời gian: nguyên âm, phụ âm, nhịp điệu, ngữ điệu không mất đi và cũng không phát sinh thêm theo thời gian hoặc theo sự phát triển của xã hội hay công nghệ, nhưng mục đích, phương pháp và kỹ thuật dạy ngữ âm có nhiều thay đổi nhờ các công trình nghiên

---

\* Giảng viên Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Đại Cương - Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

cứu về dạy phát âm (Nguyễn:2018). Về mục đích dạy ngữ âm, Kenworthy (1998) cho rằng mục tiêu dạy phát âm đạt mức *native-like pronunciation* (phát âm như người bản xứ) là không phù hợp với đại đa số người học ở mọi nơi; mục tiêu này chỉ phù hợp với một số ít người có quan hệ làm việc về ngôn ngữ với người bản ngữ, hoặc giáo viên tiếng Anh, hoặc một số người có mục đích đặc biệt; còn lại hầu hết người học tiếng Anh chỉ yêu cầu ở mức phát âm sao cho người khác (bản ngữ và không bản ngữ nói tiếng Anh) hiểu được. Trên cơ sở đó Kenworthy đưa ra khái niệm *intelligibility*: nói có thể hiểu được. *Intelligibility* là nói có thể hiểu được đối với người nghe ở một thời điểm nhất định trong một tình huống nhất định (*Intelligibility is being understood by a listener at a given time in a given situation.*)

Về phương pháp, kỹ thuật dạy ngữ âm tiếng Anh, Celce-Murcia (1996) quan niệm: chỉ bằng cách nắm được kiến thức về hệ thống âm tiếng Anh và làm quen với các kỹ thuật học đa dạng, những kỹ thuật định hướng giao tiếp, người dạy mới có thể đáp ứng được nhu cầu về phát âm của người học (*Only through a thorough knowledge of the English sound system and through familiarity with a variety of pedagogical techniques, many of which should be communicatively oriented, can teachers effectively address the pronunciation needs of their students.*) dẫn theo Nguyễn (2018).

Cá nhân tôi đồng quan điểm với hai tác giả đề cập bên trên về mục đích và phương pháp dạy và học ngữ âm đối với sinh viên không chuyên ngữ. Trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh ở Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, bộ giáo trình English File- phiên bản thứ ba có đầy đủ những công cụ cần thiết để hướng dẫn sinh viên học phát âm để đạt được mục tiêu về phát âm tiếng Anh.

### **3. Hướng dẫn sinh viên học phát âm qua tài liệu của English File**

Điểm đặc biệt của giáo trình English File là sử dụng bảng phát âm các âm tiếng Anh dựa trên ý tưởng và thiết kế của Paul Seligson và Carmen Dolz. Bảng phát âm này bổ sung thêm các hình vẽ trên các âm trong bảng ngữ âm quốc tế (International Phonetic Alphabet, IPA) để thuận lợi, ấn tượng và sinh động hơn đối với người học.

### 3.1. Nội dung phần phát âm trong sách bài học (Student's book) *Latham-Koenig, C et al (2016)*

Phần phát âm sound bank [4: 166- 167]. Trong toàn bộ giáo trình thì ở mỗi cấp độ, phần sound bank này có sự thay đổi một vài từ vựng cho phù hợp cấp độ.

Hướng dẫn chung trang 166 (hình 1) và trang 167 (hình 2) như sau:

Các cột đi kèm với 1 nguyên âm hoặc phụ âm gồm có (từ trái qua phải)

1. Nguyên âm (vowel sounds) hoặc phụ âm (consonant sounds) (ký âm tô màu hồng), ví dụ ký âm nguyên âm /ɪ/ màu hồng trong hình vẽ chiếc xương cá bên trên chữ *fish*, hoặc ký âm phụ âm /p/ màu hồng trong hình vẽ con vẹt bên trên chữ *parrot*.
2. **Usual spelling:** cách viết chính tả thông thường (ký tự tô màu hồng), ví dụ cách viết chính tả thông thường của ký âm nguyên âm /ɪ/ là ký tự **i** như trong từ *his, this, film, six, big, swim*
3. **! but also:** cách viết chính tả khác (ký tự tô màu hồng), ví dụ cách viết khác của ký âm nguyên âm /ɪ/ là ký tự **e** như trong từ **English**, ký tự **o** và **e** như trong từ **women**, ký tự **u** như trong từ **busy**.

# Vowel sounds

## SOUND BANK

	usual spelling	! but also		usual spelling	! but also
 fish	i his this film six big swim	English women busy	 up	u bus lunch ugly run lucky cut	come brother son does young
 tree	ee meet three ea speak ear e me we	people police key niece	 train	a* name make ai rain paint ay play day	break steak great eight they grey
 cat	a thanks flat black Japan have stamp		 phone	o* home close old don't oa road toast	slow low
 car	ar garden party start a father glasses dance	aunt	 bike	i* nine twice y my why igh high night	buy
 clock	o hot stop coffee long not box	what watch want	 owl	ou out thousand house count ow how brown	
 horse	or sport door al talk small aw saw draw	water four bought thought	 boy	oi coin noise toilet oy toy enjoy	
 bull	u full put oo good book look room	could would woman	 ear	eer beer engineer ere here we're ear year hear	really idea
 boot	oo school food u* June use ew new flew	do fruit juice shoe	 chair	air airport stairs fair hair are square careful	their there wear
 computer	Many different spellings. /ɜ/ is always unstressed. teacher umbrella America famous second ago		 tourist	A very unusual sound. euro Europe poor sure plural	
 bird	er her verb ir first third ur nurse turn	learn work world word	/i/	A sound between /i/ and /ɪ/. Consonant + y at the end of words is pronounced /i/. happy any thirsty	
 egg	e yes help ten pet very red	friend bread breakfast any said	/u/	An unusual sound. education usually situation	

\* especially before consonant + e





















short vowels  long vowels  diphthongs

Hình 1: Các nguyên âm (vowel sounds)

Phân nguyên âm (vowel sounds) cần lưu ý 3 nhóm sau:

1. Short vowels (nguyên âm ngắn): trong ô vuông màu đỏ
2. Long vowels (nguyên âm dài): các nguyên âm có dấu: trong ô vuông màu vàng, khi phát âm có khuynh hướng mạnh và kéo dài.
3. Diphthongs (nguyên âm kép/ đôi): các nguyên âm trong ô vuông màu xanh, khi phát âm trượt/ kéo (slide) từ nguyên âm thứ nhất sang nguyên âm thứ hai, ví dụ nguyên âm kép/ đôi /aɪ/ phát âm trượt/ kéo từ nguyên âm /a/ (khẩu hình mở rộng và kéo hơi dài) trước khi sang nguyên âm /ɪ/.

Vì vậy mà khi phát âm, về tính chất âm thì nguyên âm kép/ đôi /aɪ/ (I: với nghĩa là tôi trong tiếng Anh khác với âm /ai/ (ai: với nét nghĩa là người nào) trong tiếng Việt).

Consonant sounds			SOUND BANK		
	usual spelling	! but also		usual spelling	! but also
	<b>p</b> paper pilot Poland sleep <b>pp</b> apple happy			<b>th</b> think thirty throw bathroom fourth tenth	
	<b>b</b> be table job builder number <b>bb</b> rubber			<b>th</b> the these then other that with	
	<b>c</b> credit card actor <b>k</b> kitchen like <b>ck</b> black back	Christmas chemist's		<b>ch</b> cheap children church <b>tch</b> watch match <b>t(+ure)</b> picture adventure	
	<b>g</b> green get angry big <b>gg</b> eggs bigger			<b>j</b> January juice July enjoy <b>dge</b> bridge fridge	German manager
	<b>f</b> Friday fifteen wife <b>ph</b> photo elephant <b>ff</b> office coffee			<b>l</b> like little plane girl <b>ll</b> small spelling	
	<b>v</b> very eleven live travel river love	of		<b>r</b> red rich problem try <b>rr</b> sorry terrible	write wrong
	<b>t</b> tea take student sir <b>tt</b> letter bottle	liked dressed		<b>w</b> window twenty Wednesday win <b>wh</b> why when	one once
	<b>d</b> dance understand bad read <b>dd</b> address middle	played tired		<b>y</b> yellow yesterday young yes before <b>u</b> use university music student	
	<b>s</b> sister stops stress actress <b>ss</b> city cinema <b>ci/ce</b> centre nice			<b>m</b> man Monday money swim <b>mm</b> summer swimming	
	<b>z</b> zero Brazil <b>s</b> music please dogs watches			<b>n</b> no never nine ran <b>nn</b> dinner thinner	know
	<b>sh</b> shopping shoes Spanish fish <b>ti(+ vowel)</b> station information	sugar sure		<b>ng</b> song England language thing long going	think bank
	<b>si(+on)</b> revision decision confusion	usually garage		<b>h</b> happy hungry hotel behind hall head	who whose

voiced     unvoiced

Hình 2: Các phụ âm (consonant sounds)

Phần phụ âm (consonant sounds) cần lưu ý 2 nhóm sau:

1. Voiced (hữu thanh): các phụ âm trong ô vuông màu xanh biếc, khi phát âm phụ âm này đơn lẻ dây thanh rung. Sinh viên có thể để tay lên dây thanh ở cổ để cảm nhận độ rung của dây thanh.
2. Unvoiced (vô thanh): các phụ âm trong ô vuông màu xanh lục, khi phát âm phụ âm này đơn lẻ dây thanh không rung.

Bên cạnh đó, trong từng bài học đều có phần phát âm PRONUNCIATION để rèn luyện.

## 2 PRONUNCIATION /aɪ/, /ɪ/, and /i:/'

- a 3 23))) Say the three groups of words and match them to a sound picture. Listen and check.



- 1 him it his ring finish pick  
2 he she me meet read leave  
3 I my buy smile nice tonight

- b 3 24))) Listen. Can you hear the difference?

- |          |       |           |         |
|----------|-------|-----------|---------|
| 1 a he's | b his | 4 a leave | b live  |
| 2 a me   | b my  | 5 a this  | b these |
| 3 a it   | b eat | 6 a we    | b why   |

- c 3 25))) Listen and tick (✓) the word you hear.

- d 3 26))) Listen to this love story. Practise telling it.

They live in a big city.

He works in an office, she's a writer.

She meets him in the gym. She likes his smile.

He thinks she loves him. He buys her a ring.

But finally she says goodbye.

Hình 3: Bài tập rèn luyện phát âm trang 44 trong sách bài học (Student's book)

Ví dụ phần luyện tập phát âm trang 44 này có 4 bài tập nhỏ a, b, c, d để rèn luyện phân biệt các nguyên âm /aɪ/, /ɪ/, /i:/; mỗi bài tập nhỏ đều có tệp âm thanh được ký hiệu bằng biểu tượng sóng âm )))

Ví dụ: 3 23))), 3 24))), 3 25))), 3 26)))

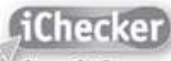
Mỗi bài tập nhỏ đều có câu hướng dẫn để rèn luyện, phân biệt các nguyên âm. Sinh viên lần lượt theo các câu hướng dẫn đó để rèn luyện phát âm.

### 3.2. Nội dung phần phát âm trong sách bài tập (Workbook) *Latham-Koenig, C et al (2016)*

Mỗi bài trong sách bài tập đều có phần luyện ngữ âm PRONUNCIATION, củng cố lại các âm đã được rèn luyện trong sách bài học.

## 3 PRONUNCIATION sentence stress;

/aɪ/, /ɪ/, and /i:/

**a**  Listen and repeat the sentences. Stress the **bold** words.

- 1 Call me **tonight**.
- 2 Can you **help** us?
- 3 **Don't** listen to **her**.
- 4 See you **later**.
- 5 I **don't** like them.
- 6 **Don't** think about it.
- 7 Give it to **him**.

*Hình 4: Bài tập rèn luyện phát âm trang 37 trong sách bài tập (Workbook)*

Ví dụ bài tập về rèn luyện trọng âm câu (sentence stress) liên quan đến kỹ năng phân biệt được các nguyên âm /aɪ/, /ɪ/, /i:/ đã được giới thiệu trong trang 44 của sách bài học. Ở bài tập này sinh viên luyện tập trọng âm vào những từ in đậm trong câu.

Thêm vào đó, cuối mỗi phần bài tập trong sách bài tập đều có bảng từ và các cụm từ hữu dụng USEFUL WORDS AND PHRASES bao gồm những từ vựng theo chủ đề bài học và phiên âm của từng từ (theo bảng phiên âm quốc tế). Phần này rèn

luyện kỹ năng nhận diện phiên âm quốc tế của các từ vựng theo nội dung của bài học và phát âm đạt mức *intelligibility* (nói có thể hiểu được) như đã trình bày mục số 2 bên trên.

## USEFUL WORDS AND PHRASES

**Learn these words and phrases.**

voice /vɔɪs/  
fall /fɔ:l/  
happening /'hæpənɪŋ/  
ring /rɪŋ/  
smile /smaɪl/  
give a message (to somebody) /gɪv ə 'mesɪdʒ/  
pick up /'pɪk ʌp/  
press the button /pres ðə 'bʌtn/  
put down /'pʊt daʊn/  
It's the wrong number. /ɪts ðə rɒŋ 'nʌmbə(r)/

Hình 5: Các từ và cụm từ hữu dụng, trang 38 sách bài tập

Đây là những từ và cụm từ mà sinh viên cần nắm vững để vận dụng vào các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết từng bước theo nội dung bài học. Để luyện tập sinh viên có thể đọc phiên âm và kết nối phát âm đó với chữ viết và nét nghĩa của từ vựng (nghĩa phải tự tra cứu bằng công cụ từ điển hoặc đoán nét nghĩa theo nội dung bài đã học). Sau đó có thể che bớt bên phần chữ viết và chỉ nhìn vào phần phiên âm để phát âm và sau đó viết hoặc đánh vần từng ký tự của từ vựng đó để củng cố.

### 3.3. Nội dung phần phát âm trong trang thông tin điện tử giáo trình English File (phiên bản 3)

*Bước 1:* Truy cập trang thông tin điện tử giáo trình English File (third edition) theo địa chỉ sau: <https://elt.oup.com/student/englishfile/?cc=vn&selLanguage=en>





Hình 6: trang chủ của trang web của giáo trình English File- phiên bản 3  
khi truy cập theo đường dẫn bên trên

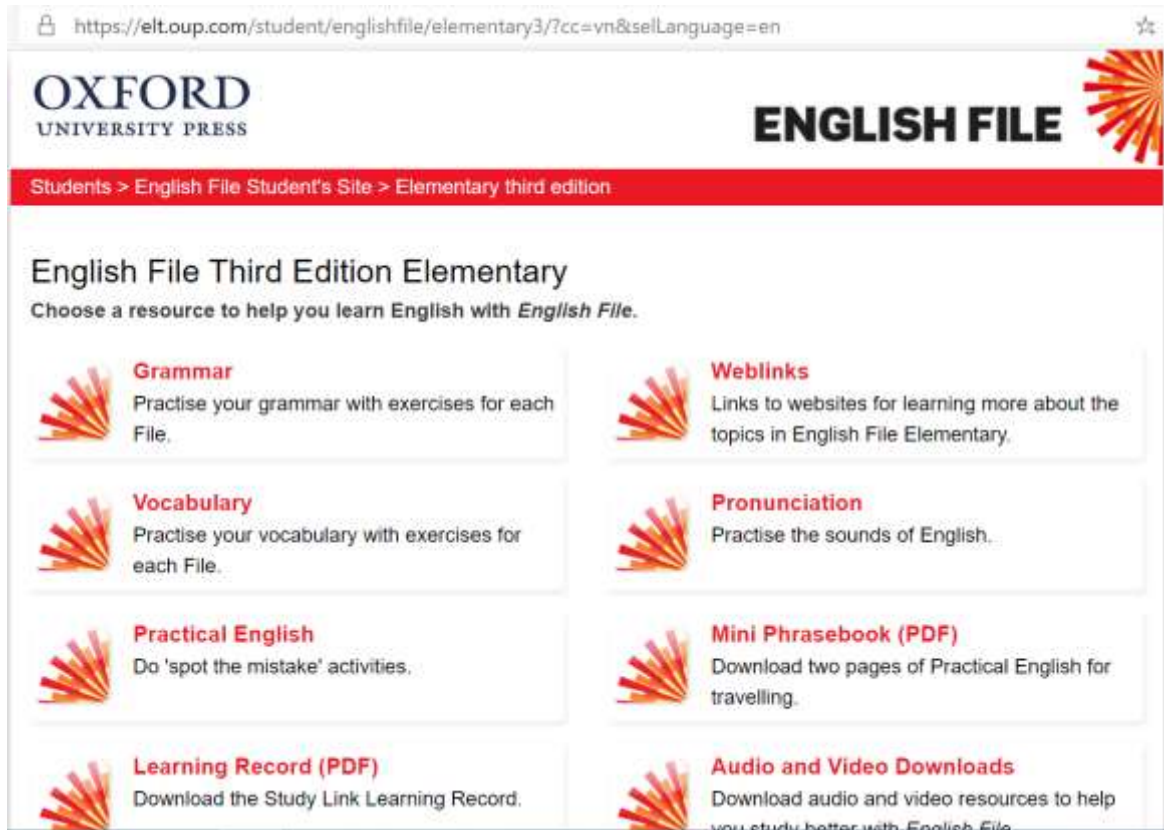
Trang web này có 7 cấp độ từ dành cho người bắt đầu (Beginner) đến nâng cao (Advanced), tuy nhiên như đã trình bày trong mục 1 bối cảnh bên trên, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng các cấp độ sơ cấp (Elementary), tiền trung cấp (Pre-intermediate) và trung cấp (Intermediate).

*Bước 2:* Chọn cấp độ Tiếng Anh giao tiếp mà bạn cần luyện tập.

- Tiếng Anh giao tiếp 1: Chọn cấp độ Elementary
- Tiếng Anh giao tiếp 2, 3: Chọn cấp độ Pre-Intermediate
- Tiếng Anh giao tiếp 4: Chọn cấp độ Intermediate

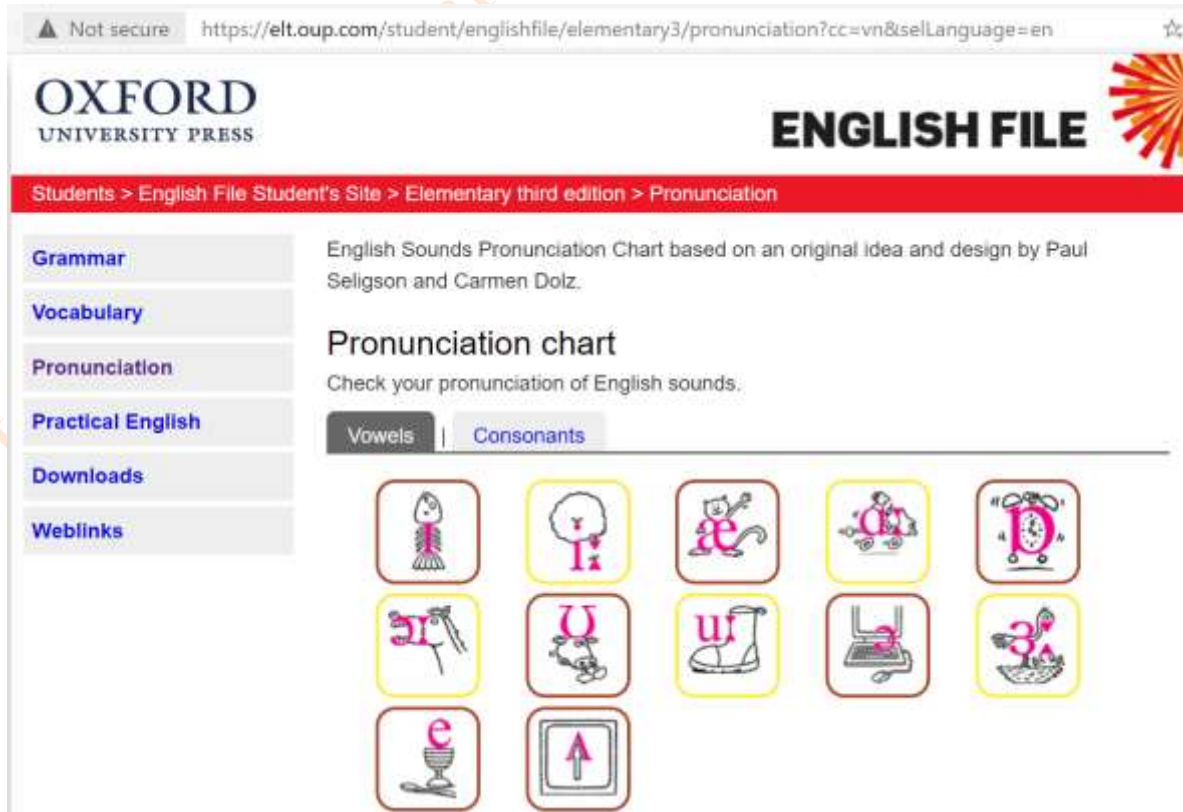
Tuy nhiên, đối với phần luyện phát âm (Pronunciation) thì các cấp độ giống nhau, các phần từ vựng và ngữ pháp mới có sự khác biệt theo cấp độ.

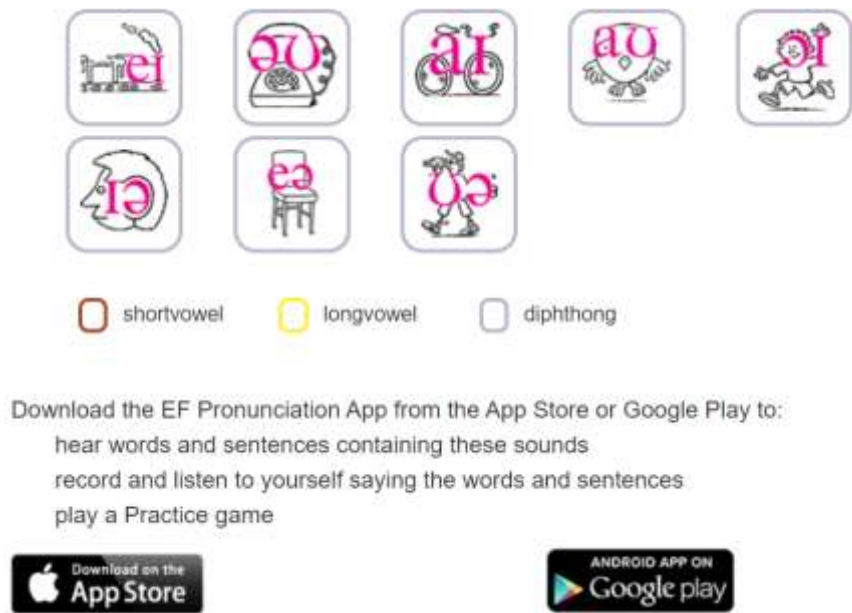
Bước 3: Ví dụ chọn vào cấp độ Elementary.



Hình 7: trang nội dung của cấp độ Elementary

Sau đó chọn mục: **Pronunciation** - Practise the sounds of English, sẽ xuất hiện Pronunciation chart (*Bảng phát âm*)



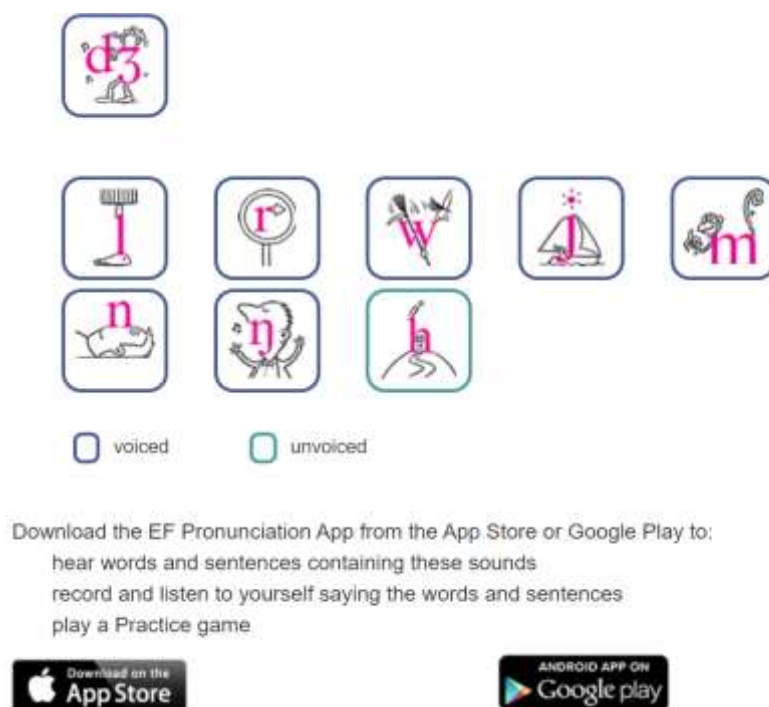


Hình 8: Bảng phát âm (Pronunciation chart) - phần nguyên âm (vowels)

Chọn vào từng nguyên âm để nghe âm thanh và luyện tập phát âm theo.

Lưu ý phân biệt các nguyên âm ngắn (short vowel), nguyên âm dài (long vowel) và nguyên âm kép/đôi (diphthong)





Hình 9: Bảng phát âm (Pronunciation chart) - phần phụ âm (consonants)

Chọn vào từng phụ âm để nghe âm thanh và luyện tập phát âm theo

Lưu ý phân biệt phát các ô các phụ âm hữu thanh (voiced) màu xanh biếc và các ô các phụ âm vô thanh (unvoiced) màu xanh lục.

Ngoài ra, sinh viên có thể tải ứng dụng phát âm của giáo trình English File từ App Store hoặc Google Play để: nghe từ và câu chứa những âm này, ghi âm và nghe chính mình phát âm từ và câu, chơi trò chơi luyện tập phát âm.

#### 4. Kết luận

Nội dung luyện tập phát âm của giáo trình English File phiên bản 3 của Nhà xuất bản Oxford được trình bày cụ thể, rõ ràng trong sách bài học, bài tập và trang thông tin điện tử. Trong giáo trình này các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh được lồng ghép với các hình vẽ tượng trưng cho chúng thật sinh động. Bên cạnh đó, các từ vựng được chọn lọc minh họa cho các nguyên âm và phụ âm cũng được trình bày rõ ràng như được đề cập ở mục 3.1.

Thông qua bài viết này tác giả hi vọng góp phần nâng cao sự hiểu biết về phát âm cho sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh để học tốt các học phần tiếng Anh tại Học viện. Qua việc rèn luyện và thực tập các bài tập phát âm, sinh viên sẽ vượt qua những khó khăn, rào cản về phát âm tiếng Anh, dần dần tự tin hơn trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Celce, M et al. (1996) *Teaching Pronunciation: A reference for Teachers of English to Speakers of Other Languages*. Cambridge University Press.
2. Harmer, J. (2010). *How to teach English*. Pearson Education Limited
3. Kenworthy, J (1998). *Teaching English Pronunciation*. Longman.
4. Latham- Koenig, C et al (2016). *English File – Elementary Student’s Book (third edition)*. Oxford University Press.
5. Latham- Koenig, C et al (2016). *English File – Elementary Workbook with key (third edition)*. Oxford University Press.
6. Nguyen Quoc Hung. (2018). *Dạy tiếng Anh xu hướng mới*. ISBN 978-604-56-5177-3. NXB Phụ nữ.
7. <https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/cefr/>
8. <https://www.cambridge.org/elt/blog/2020/07/10/tips-for-teaching-pronunciation-online/>
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
10. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-01-2014-tt-bgd-dt-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-viet-nam-220349.aspx> truy cập ngày 02/01/2021.
11. Trang web dành cho tài liệu English File (Third edition), <https://elt.oup.com/student/englishfile/?cc=vn&sellLanguage=en>, truy cập ngày 02/01/2021